

Số: /KH-SYT

Phú Yên, ngày tháng 11 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số của Sở Y tế năm 2023

Phần I

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH UDCNTT CỦA SỞ
Y TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2022**

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Trên cơ sở Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Sở Y tế giai đoạn 2021 – 2025 (KH 2159/KH-SYT ngày 4/9/2020). Sở Y tế đã tổ chức quán triệt, triển khai kịp thời cho công chức Văn phòng Sở và chỉ đạo cho các đồng chí lãnh đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai cho đội ngũ CC, VC toàn ngành các văn bản, quy định của Trung ương, của tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan.

Hướng dẫn các đơn vị y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh báo cáo thực trạng ứng dụng CNTT tại đơn vị (Công văn số 2815/SYT-VP, ngày 31/10/2022); Tăng cường thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2021 (Công văn số 1276/SYT-VP ngày 25/5/2021); Tăng cường triển khai cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính trong thời gian đến (Công văn số 1317/SYT-VP ngày 27/5/2021); Chỉ đạo TTYT các huyện, tx, tp đảm bảo an ninh, an toàn thông tin đối với Hệ thống Hồ sơ sức khỏe điện tử (Công văn số 1379/SYT-VP ngày 02/6/2021); Triển khai thanh toán trên cổng dịch vụ công trực tuyến (Công văn số 1467/SYT-VP ngày 09/6/2021); Tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thông tin tại các đơn vị (Công văn số 1484/SYT-VP ngày 10/6/2021); Kiểm tra, rà soát và xác định máy chủ, máy trạm sử dụng hệ điều hành Windows có khả năng bị ảnh hưởng lỗ hổng bảo mật mức cao và nghiêm trọng trong các sản phẩm Microsoft.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Hạ tầng chung:

- 100% các đơn vị trực thuộc Sở Y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến huyện và trạm y tế xã đã có đường truyền Internet.

- Về hạ tầng CNTT tại trụ sở Sở Y tế: kết nối mạng internet theo mô hình LAN, không có máy chủ; tốc độ kết nối hiện 40Mbps; trang bị thiết bị Firewall để bảo đảm an toàn thông tin.

- Tỷ lệ máy tính/ CBCC tại Sở là 100 %; Tại các cơ sở khám chữa bệnh đang triển khai dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 54/2017/TT-BYT; Các trạm y tế từ 03-05 máy tính/ trạm.

2. Hạ tầng tại các cơ sở khám chữa bệnh tuyến tỉnh, huyện theo Thông tư 54/2017/TT-BYT

T T	Tiêu chí	Số cơ sở khám chữa bệnh đã trang bị		
		Bệnh viện tuyến tỉnh	Trung tâm tuyến tỉnh	TTYT tuyến huyện
1	Trang bị máy tính tối thiểu phải đáp ứng triển khai ứng dụng công nghệ thông tin	5	1	9
2	Mạng nội bộ (LAN)	5	1	9
3	Đường truyền kết nối Internet	5	1	9
4	Máy chủ chuyên dụng (<i>trang bị hoặc thuê</i>)	5	1	9
5	Phòng máy chủ (thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị theo dõi nhiệt độ, độ ẩm; thiết bị kiểm soát người vào/ra – <i>trang bị hoặc thuê</i>)	5	1	9
6	Phần mềm hệ thống (hệ điều hành, hệ quản trị CSDL) vẫn còn được hỗ trợ từ nhà sản xuất (ngoại trừ phần mềm mã nguồn mở)	5	1	9
7	Thiết bị tường lửa	5	1	7
8	Thiết bị lưu trữ (Máy chủ lưu trữ hoặc thiết bị lưu trữ ngoài)	5	1	9
9	Thiết bị đọc mã vạch	5	1	9
10	Máy in mã vạch	5	1	5
11	Hệ thống lưu trữ (SAN hoặc NAS)	1	0	0
12	Hệ thống lấy số xếp hàng	5	1	9
13	Màn hình hiển thị (số xếp hàng)	5	1	9
14	Bảng thông báo điện tử (Thông báo bản tin bệnh viện, giá dịch vụ y tế,...)	5	1	2
15	Thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh), mạng LAN không dây (wireless)	0	0	2
16	Camera an ninh bệnh viện	5	1	9
17	Hệ thống lưu trữ dự phòng đáp ứng điều kiện của Bộ TTTT	0	0	0
18	Kios thông tin (cho phép bệnh nhân và người nhà tra cứu thông tin về bệnh viện, thông tin khám bệnh, chữa bệnh)	0	0	0
19	Phần mềm giám sát mạng bệnh viện	2	0	1

3. Hạ tầng tại các Trạm Y tế xã/ phường/ thị trấn

Các trạm y tế được trang bị máy vi tính, máy in, máy quét mã vạch và có kết nối mạng internet đảm bảo triển khai phần mềm HIS phục vụ hoạt động khám chữa bệnh.

III. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

Đã hình thành và phát triển một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý điều hành chung của tỉnh và Bộ Y tế như:

- Cơ sở dữ liệu quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế
- Cơ sở dữ liệu tiêm chủng
- Cơ sở dữ liệu hồ sơ sức khỏe công dân (đang thực hiện)
- Cơ sở dữ liệu quản lý hành nghề y, dược, an toàn vệ sinh thực phẩm (cấp chứng chỉ hành nghề; cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh lĩnh vực dược; chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh lĩnh vực an toàn vệ sinh thực phẩm và dinh dưỡng).
- Cơ sở dữ liệu quản lý cung ứng thuốc và kiểm soát kê đơn thuốc tại một số nhà thuốc, trạm y tế (đang triển khai).

Tuy nhiên các cơ sở dữ liệu chưa có sự kết nối, liên thông để hình thành cơ sở dữ liệu chung về y tế địa phương đảm bảo lưu trữ, quản lý đầy đủ các số liệu tập trung của ngành y tế tại địa phương và kết nối liên thông được với Trung tâm dữ liệu y tế quốc gia.

IV. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

Đang ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành, kết nối vào trực liên thông văn bản của tỉnh; Cung ứng dịch vụ công mức độ 2, 3 và 4 trên cổng dịch vụ công của tỉnh và cổng của Bộ Y tế; Phần mềm Quản lý thu mẫu, trả kết quả xét nghiệm COVID -19.

Phần mềm Thống kê y tế điện tử; Phần mềm Quản lý bệnh không lây nhiễm; Phần mềm Quản lý Oxy Y tế; Phần mềm Tổng hợp, báo cáo tình hình bệnh Covid 19; Phần mềm Quản lý điều trị bệnh nhân Covid 19.

V. NGUỒN NHÂN LỰC

- Sở Y tế: hiện đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách CNTT có trình độ đại học.
- Các cơ sở điều trị (06 bệnh viện tuyến tỉnh và 09 trung tâm y tế tuyến huyện) có 33 cán bộ chuyên trách về CNTT (mỗi đơn vị có từ 01 đến 05 người), trong đó: Cao học: 02, Đại học: 24, Cao đẳng: 07.
- Các đơn vị trực thuộc khác: có 04/10 đơn vị có cán bộ công nghệ thông tin kiêm nhiệm.

VI. AN TOÀN THÔNG TIN

- Tình hình thực thi bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ: đang trình hồ sơ cấp độ an toàn thông tin chờ Sở Thông tin và Truyền thông phê duyệt.
- Tình hình lây nhiễm và xử lý, bóc gỡ mã độc: các máy chủ, máy trạm

được thiết lập, cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc; Tại Văn phòng Sở Y tế và 13 cơ sở điều trị tuyến tỉnh, huyện đã được trang bị thiết bị tường lửa. Đến nay Sở Y tế chưa ghi nhận báo cáo lây nhiễm mã độc từ các đơn vị trực thuộc.

- Ban hành Quy chế an toàn thông tin tại Sở Y tế và chỉ đạo các đơn vị xây dựng và ban hành Quy chế an toàn thông tin theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Thường xuyên cập nhật và phổ biến các văn bản của các cơ quan chức năng về an toàn, an ninh thông tin đến các đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ, công chức trong đơn vị.

- Cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn về an toàn thông tin do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện các nội dung nhiệm vụ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về ngân sách Nhà nước tại Sở Y tế và các đơn vị trực thuộc.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 4888/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế V/v phê duyệt Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh giai đoạn 2019 – 2025;

- Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin và hướng dẫn xác định mức ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về hồ sơ bệnh án điện tử;

- Thông tư số 49/2017/T-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hoạt động y tế từ xa;

- Chỉ thị số 12/CT-BYT ngày 2/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về đẩy mạnh triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt;

- Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh về việc lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Kế hoạch 50/KH-UBND ngày 28/02/2020 của UBND tỉnh V/v điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh về việc lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

- Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Phú Yên V/v phê duyệt Đề án ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế thông minh trên địa bàn tỉnh Phú Yên giai đoạn 2020 – 2025;

- Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 1728/KH-UBND ngày 30/9/2020 của UBND tỉnh về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh Phú Yên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 2159/KH-SYT ngày 04/9/2020 của Sở Y tế về việc ứng dụng CNTT của Sở Y tế giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 5316/QĐ-BYT ngày 22/12/2020 của Bộ Y tế về phê duyệt chương trình chuyển đổi số y tế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Công văn số 1376/STTTT-CNTT ngày 16/11/2022 V/v xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Ứng dụng phát triển công nghệ số, công nghệ thông minh trong y tế nhằm góp phần xây dựng hệ thống y tế tỉnh hiện đại, chất lượng, công bằng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận thông tin y tế để sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao nhất ở mọi lúc, mọi nơi. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý nhà nước theo hướng khoa học, chính xác, kịp thời, góp phần hoàn thiện chính phủ điện tử. Nhằm hiện thực hóa mục tiêu tổng thể về ứng dụng CNTT, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của đơn vị năm 2023.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý, điều hành:

- 80% các hệ thống thông tin y tế có yêu cầu chia sẻ, kết nối thông tin được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ tạo thành cơ sở dữ liệu y tế địa phương đặt tại Trung tâm dữ liệu chung của tỉnh đảm bảo lưu trữ, quản lý các số liệu tập trung của ngành y tế tại địa phương và kết nối liên thông được với Trung tâm dữ liệu y tế quốc gia.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Xây dựng Trung tâm điều hành y tế thông minh (HOC) phục vụ thống kê, quản lý dữ liệu toàn ngành.

2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- 80% thủ tục hành chính được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tối thiểu hơn 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của ngành y tế.

- Các thông tin trong lĩnh vực y tế được chia sẻ, cung cấp cho người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng.

3. Ứng dụng CNTT chuyên ngành:

a) Trong khám bệnh, chữa bệnh

- 100 % các bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện triển khai bệnh án điện tử và thanh toán không tiền mặt.
- 30% các bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện triển khai hệ thống thông tin điều hành bệnh viện thông minh.
- 30% các bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện hình thành hệ thống bệnh viện không giấy tờ.
- Triển khai thí điểm bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa và đăng ký khám, chữa bệnh từ xa.

b) Trong chăm sóc sức khỏe nhân dân

- 80% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử kết nối với các hệ thống thông tin bệnh viện và hệ thống phần mềm quản lý trạm y tế xã.
- Triển khai thí điểm một số trạm y tế xã phần mềm quản lý trạm y tế xã đầy đủ các chức năng theo quy định của Bộ Y tế, kết nối liên thông với các hệ thống ID y tế, hồ sơ sức khỏe điện tử, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

4. Nhân lực cho ứng dụng CNTT:

Đảm bảo có bộ phận chuyên trách CNTT (tổ CNTT) tại các cơ sở y tế từ tuyến huyện trở lên, có đủ nguồn nhân lực CNTT tại các bệnh viện.

IV. NHIỆM VỤ

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Hạ tầng chung (phục vụ công tác quản lý, điều hành, phục vụ người dân và doanh nghiệp):

- Đầu tư xây dựng hạ tầng Trung tâm điều hành y tế thông minh để vận hành, lưu trữ cơ sở dữ liệu chung về y tế đặt tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh thực hiện.
- Tiếp tục duy trì, hạ tầng phục vụ hội nghị, họp trực tuyến, phòng họp không giấy tờ.

b) Hạ tầng phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh:

- Đầu tư các hạng mục hạ tầng xây dựng bệnh viện thông minh theo Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Đầu tư hạ tầng phục vụ thanh toán viện phí không dùng tiền mặt theo Chỉ thị số 12/CT-BYT ngày 2/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Đầu tư hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh từ xa theo Thông tư 49/2017/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

c) Hạ tầng y tế cơ sở (tuyến xã, phường):

- Triển khai thí điểm phần mềm quản lý trạm y tế xã đầy đủ các chức năng theo quy định của Bộ Y tế.

- Thí điểm Kios thông tin tại một số Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

- d) Bổ sung, nâng cấp hạ tầng CNTT tại các cơ quan, đơn vị y tế.

2. Phát triển dữ liệu

- Tiếp tục duy trì, phát triển và hoàn thiện các hệ thống tin trong quản lý khám chữa bệnh tại các cơ sở điều trị.

- Xây dựng bệnh viện không giấy tờ (Triển khai bệnh án điện tử theo Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

- Tiếp tục duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Tiếp tục triển khai, phát triển các hệ thống thông tin về y tế bao gồm: hệ thống thông tin về nhân lực y tế, hệ thống thống kê y tế điện tử, hệ thống quản lý nhà thuốc, quầy thuốc và kê đơn thuốc điện tử, hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm, dược, trang thiết bị và công trình y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, môi trường y tế, Y- dược học cổ truyền, HIV-AIDS; hệ thống thông tin tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, ... theo lộ trình của Bộ Y tế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu y tế xã/phường/thị trấn theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử tại Sở Y tế theo tiến độ của UBND tỉnh và Bộ Y tế.

- Rà soát, phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ triển khai dịch vụ công mức độ 3, 4; thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên nền tảng di động.

- Phát triển, hoàn thiện trung tâm điều hành y tế thông minh tại Sở Y tế.

4. Bảo đảm an toàn thông tin

- Hoàn thành việc xác định cấp độ an toàn thông tin, bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ tại các đơn vị.

- Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức;

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

- Định kỳ hàng năm cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin do Bộ Y tế và Sở Thông tin Truyền thông tổ chức

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng

cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

5. Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo mới, đào tạo liên tục, cử cán bộ tham gia tập huấn các khoá ngắn hạn nhằm phục vụ tốt công tác chuyên môn, đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ an toàn thông tin.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp xây dựng, phát triển các CSDL, các ứng dụng, dịch vụ:

- Tiếp tục phát triển các hệ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã được Bộ Y tế đầu tư như: hồ sơ sức khỏe điện tử, thống kê y tế, hệ thống thông tin tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm...

- Theo dõi và cập nhật và bám sát các chủ trương, định hướng của Bộ Y tế, Cục Công nghệ thông tin – Bộ Y tế và các Bộ, Ngành liên quan để triển khai phù hợp, đồng bộ và cụ thể, tránh lãng phí.

- Thuê các phần mềm trực tuyến theo phương thức thuê dịch vụ CNTT.

- Tăng cường tương tác, phối hợp với các đơn vị cung cấp dịch vụ CNTT, các cơ quan liên quan như Công an, Sở Thông tin và Truyền thông, BHXH,... trong việc phát triển, hoàn thiện, chia sẻ cơ sở dữ liệu các danh mục dùng chung liên quan đến ngành y tế.

2. Giải pháp nguồn nhân lực

- Gửi đào tạo chuyên sâu về CNTT: Quản trị mạng, Quản trị cơ sở dữ liệu, An toàn thông tin, ... theo các khóa đào tạo do Sở Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế tổ chức hàng năm.

- Đào tạo, bổ sung kiến thức về CNTT cho đội ngũ cán bộ làm công tác thống kê tin học của các đơn vị.

- Khuyến khích và tuyển dụng cán bộ CNTT.

3. Giải pháp điều hành, quản lý

- Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số, Tổ giúp việc trong Ngành Y tế.

- Triển khai các kế hoạch từ Sở Y tế đến các đơn vị trực thuộc.

- Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (trang thông tin điện tử của sở y tế, mạng xã hội...) để hỗ trợ đội ngũ kỹ thuật, cán bộ lãnh đạo các đơn vị, đội ngũ nhân viên y tế trong ứng dụng công nghệ thông tin hoặc hỗ trợ doanh nghiệp, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ y tế trực tuyến.

- Tổ chức tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các địa phương, đơn vị đã triển khai thành công.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng dự toán kinh phí: 12.629.550.560 đồng (chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

- Nguồn kinh phí:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên, chi sự nghiệp và chi đầu tư phát triển; Kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị sự nghiệp y tế.

+ Kinh phí từ các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

+ Kinh phí từ các dự án, nhiệm vụ thực hiện theo hình thức hợp tác công tư, tài trợ, giao nhiệm vụ, hình thức đặt hàng tùy theo từng nhiệm vụ cụ thể.

+ Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Chủ trì, làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, triển khai Kế hoạch này;

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đôn đốc các đơn vị thực hiện Kế hoạch; tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Lãnh đạo Sở kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các phòng/ban liên quan tham mưu cho Lãnh đạo Sở làm việc với các Sở, ban, ngành có liên quan; trình cơ quan có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số năm 2023.

- Phối hợp các đơn vị liên quan xây dựng phương án tính toán giá, xác định mức chi phí thuê dịch vụ CNTT, làm căn cứ để các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chi trả chi phí thuê khi có hướng dẫn của Bộ Y tế.

3. Các phòng chức năng và Các đơn vị Y tế trực thuộc Sở:

Phối hợp Văn phòng Sở, các phòng và các đơn vị liên quan tham mưu triển khai các nội dung kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của phòng và đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số của Sở Y tế năm 2023, đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở TTTT (để tổng hợp);
- GD, các PGD SYT;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (t/h);
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Minh Hữu

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA SỞ Y TẾ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /11/2022 của Giám đốc Sở Y tế)

Stt	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đầu tư	Đơn vị chủ trì	Phân loại nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	ĐVT	Số lượng	Tổng mức đầu tư có VAT (đồng)	Kinh phí thực hiện năm 2023 (đồng)
A	Hạ tầng công nghệ thông tin (I+II+III+IV+ V+ VI+ VII)							13.219.422.200	10.691.661.200
I.	Trang bị hệ thống lưu trữ SAN/NAS (1+2+3)					HT	14	2.950.601.500	2.950.601.500
1	Hệ thống lưu trữ NAS cho cơ sở có giường bệnh ≤ 200 giường	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	Bộ	12	2.210.406.000	2.210.406.000	
2	Hệ thống lưu trữ NAS cho cơ sở có giường bệnh từ >200 - ≤500 giường	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	Bộ	1	253.231.000	253.231.000	
3	Hệ thống lưu trữ NAS cho cơ sở có giường bệnh từ >500 - ≤1000 giường	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	Bộ	1	486.964.500	486.964.500	
II.	Đầu tư hệ thống mạng LAN không dây (1+2)					HT	14	6.530.400.800	6.530.400.800
1	Đầu tư hệ thống mạng LAN cho cơ sở có giường bệnh ≤ 500 giường	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan				HT	13	5.811.148.200	5.811.148.200
2	Đầu tư hệ thống mạng LAN cho cơ sở có giường bệnh từ >500 giường	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan				HT	1	719.252.600	719.252.600
III.	Thiết bị di động (máy tính bảng bao gồm license chính hãng)		Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2024	Bộ	107	1.566.801.000	
IV.	Thiết bị đọc mã vạch		Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	Cái	1	6.034.600	6.034.600

V.	Thiết bị in mã vạch	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	Cái	1	9.694.300	9.694.300
VI.	Hạ tầng thiết bị hội chẩn, khám chữa bệnh từ xa	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	HT	6	806.850.000	806.850.000
VII.	Bảng thông báo điện tử (thông báo bản tin bệnh viện, giá dịch vụ,...)	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023- 2024	Bộ	14	1.349.040.000	388.080.000
B. Dịch vụ triển khai hạ tầng công nghệ thông tin							1.717.929.440	1.378.889.360
1	Hệ thống lưu trữ NAS cho cơ sở có giường bệnh ≤ 200 giường	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	Bộ	14	66.724.560	66.724.560
2	Hệ thống mạng LAN không dây cơ sở < 500 giường bệnh	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	HT	13	1.088.100.000	1.088.100.000
3	Hệ thống mạng LAN không dây cơ sở > 500 giường bệnh	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	HT	1	102.600.000	102.600.000
4	Thiết bị di động (máy tính bảng bao gồm license quản lý chính hãng)	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2024	Bộ	107	189.865.080	
5	Bảng thông báo điện tử (thông báo bản tin bệnh viện, giá dịch vụ....)	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023- 2024	Gói	14	196.425.000	47.250.000
6	Thiết bị hội chẩn, khám chữa bệnh từ xa	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	HT	6	71.280.000	71.280.000
7	Thiết bị đọc mã vạch	Sở Y tế và Các đơn vị liên quan	Dự án mới	2023	Cái	1	1.467.400	1.467.400
8	Thiết bị in mã vạch	Sở Y tế và Các đơn vị	Dự án mới	2023	Cái	1	1.467.400	1.467.400

			liên quan						
C.	Tuyên truyền, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực							300.000.000	200.000.000
1	Tập huấn	Hướng dẫn cài đặt và sử dụng các phần mềm do Bộ Y tế cung cấp miễn phí	Các đơn vị thuộc Bộ Y tế/các đơn vị cung cấp phần mềm	Dự án mới	2023-2024	Lớp	5	300.000.000	200.000.000
D.	Bảo đảm an toàn thông tin							718.000.000	359.000.000
1	An toàn thông tin	Hoàn thành việc xác định cấp độ an toàn thông tin	Các đơn vị cung cấp phần mềm	Dự án mới	2023-2024				
2	Rà soát, cập nhật	Các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức	Các đơn vị cung cấp phần mềm	Dự án mới	Hàng năm				
3	Kiểm tra, đánh giá	An toàn thông tin theo quy định của pháp luật	Các đơn vị cung cấp phần mềm	Dự án mới	Hàng năm				
4	Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến	Nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn	Các đơn vị cung cấp phần mềm	Dự án mới	Thường xuyên				

5	Cài đặt, duy trì	Các phần mềm chống mã độc, cử đào tạo về an toàn thông tin cho CB CNTT	Các đơn vị cung cấp phần mềm	Dự án mới	2023-2024			718.000.000	359.000.000
		(KP 1 năm 359 triệu, gồm:							
		15 Cơ sở điều trị x 15 triệu = 225 tr							
		- 11 đvị còn lại x 3 triệu = 33 triệu							
		- 101 TYT x 1 triệu = 101 triệu)							
Tổng cộng: (A+B+C+D)								15.955.351.640	12.629.550.560